

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 462/2025/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Tô Thị T**, sinh năm 1984
ĐKNKTT và trú tại: thôn L, xã T, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1981
ĐKNKTT và trú tại: thôn L1, xã K, TP Hà Nội

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Tô Thị T** và anh **Nguyễn Văn V**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Tô Thị T** và anh **Nguyễn Văn V** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L.A, sinh ngày 05/12/2004; Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/12/2007. Cháu Nguyễn Thị L.A đã trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc ở với ai do cháu L.A tự quyết định. Ly hôn,

vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cháu K cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Chị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Tô Thị T tự nguyện nộp cả 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng do Chị T đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Hà Nội (Biên lai số 0017743 ngày 26/11/2025). Hoàn trả Chị T 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND KV11 - Hà Nội;
- Phòng THADS KV11 - Hà Nội;
- UBND xã T;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Trí